

Bản án số: 09/2026/LĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v tranh chấp về tiền lương

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

Ông Trần Quốc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST-LĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về tiền lương”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5636/2025/QĐXXST-LĐ ngày 19/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2026/QĐST-LĐ ngày 13/01/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1997 - có đơn xin vắng mặt.

Thường trú: d, tổ 8, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Cư trú: j Cộng Hòa, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xà bông u (Viết tắt là: Công ty) - vắng mặt.

Trụ sở: t, khu dân cư Hiệp Thành City, phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phursg, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 1r đường TA10, tổ 4, khu phố 3, phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Đoàn Nguyễn Hoàng Vũ trình bày:

Ông Vũ là người lao động làm việc cho Công ty TNHH Đông Y Nhân Tâm Đường (nay là Công ty TNHH Xà bông Hòa Bình) với chức danh Giám đốc kinh doanh từ ngày 23/12/2024 đến ngày 03/4/2025. Quá trình làm việc cho Công ty, ông Vũ vẫn chưa được ký hợp đồng lao động mà chỉ có thỏa thuận qua giấy nhận việc và tin nhắn. Ngày 04/4/2025, Công ty cho ông Vũ nghỉ việc nhưng không ban hành quyết định cho nghỉ việc mà chỉ thông báo qua zalo về việc Công ty dừng hoạt động và cho ông Vũ nghỉ việc.

Tổng tiền lương trong quá trình ông Vũ làm việc tại Công ty từ tháng 12/2024 đến tháng 4/2025 là 70.735.577 đồng, cụ thể như sau: Tiền lương tháng 12/2025 và tháng 01/2025: 27.423.077 đồng; Tiền lương tháng 02/2025: 26.816.500 đồng; Tiền lương tháng 03/2025: 15.000.000 đồng; Tiền lương tháng

4/2025: 1.500.000 đồng. Trừ vào số tiền lương Công ty đã trả là 12.500.000 đồng thì Công ty còn nợ tiền lương là 58.235.577 đồng.

Nay ông Vũ yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Xà bông Hòa Bình phải trả tiền lương còn nợ là 58.235.077 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Xà bông Hòa Bình đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Vũ yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương còn nợ, xuất phát từ quan hệ lao động giữa các bên, đã thực hiện thủ tục hoà giải tại cơ sở nhưng không thành nên khởi kiện ra Tòa án, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Công ty có trụ sở tại khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa giải thể, phá sản nên căn cứ theo điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 (hai) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án và đương nhiên bị đơn phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Tại Khoản 5 Điều 3 của Bộ luật lao động năm 2019 quy định: “*Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Ông Vũ có cung cấp cho Tòa án các bảng chấm công và phiếu thanh toán tiền lương, bảng tính lương trong quá trình làm việc cho Công ty. Ông Vũ trình bày ông làm việc cho Công ty từ ngày 23/12/2024 đến ngày 03/4/2025 nhưng giữa các bên không ký hợp đồng lao động.

Tại Khoản 1 Điều 14 của Bộ luật lao động năm 2019 quy định: “*Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Vũ cung cấp có cơ sở xác định giữa các bên có tồn tại quan hệ lao động và Công ty đã vi phạm pháp luật về lao động khi không ký kết hợp đồng lao động, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với ông Vũ.

[4.2] Căn cứ tại Khoản 1 Điều 94 của Bộ luật lao động năm 2019 quy định: “*Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động..*”.

Căn cứ theo bảng tính lương, phiếu thanh toán tiền lương đều có ghi thông tin về tài khoản ngân hàng của ông Vũ nhưng ông Vũ xác nhận ông chỉ nhận được 12.500.000 đồng, phù hợp với sao kê tài khoản của ông Vũ. Do đó việc Công ty chưa thanh toán đủ tiền lương trong quá trình ông Vũ làm việc là vi phạm quy định tại Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do ông Vũ cung cấp thể hiện ông Vũ làm việc cho Công ty đến ngày 03/4/2025; đồng thời căn cứ vào các bảng chấm công, bảng tính lương, phiếu thanh toán tiền lương, sao kê tài khoản do ông Vũ nộp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ về việc yêu cầu Công ty trả số tiền lương còn nợ là 58.235.577 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 3, 14, 94 và 95 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Nguyễn Hoàng Vũ.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH Xà bông Hòa Bình phải trả cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền lương còn nợ là 58.235.577 (năm mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là: 1.747.067 (một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bảy) đồng, bị đơn chịu.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký